
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3 NĂM 2017

Tháng 10 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	05 - 06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	07 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động quý 3 năm 2017

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Hiểu	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
-----------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính .

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.805.621.939.003	1.753.561.852.568
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	672.788.482.341	509.293.273.804
1. Tiền	111		672.788.482.341	8.001.273.804
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	501.292.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		801.335.138.889	858.803.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	801.335.138.889	858.803.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.115.546.057	49.211.998.612
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	18.887.381.680	12.609.076.332
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	782.051.800	21.757.460.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	156.446.112.577	14.845.462.280
IV. Hàng tồn kho	140	10	153.599.028.829	320.853.735.874
1. Hàng tồn kho	141		155.669.028.829	320.853.735.874
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.070.000.000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.783.742.887	15.399.844.278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34.333.633	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3.465.017.382
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.749.409.254	11.934.826.896
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.257.649.599.840	1.255.943.291.952
I. Tài sản cố định	220	11	5.506.195.143	6.193.264.098
1. Tài sản cố định hữu hình	221		5.506.195.143	6.193.264.098
- Nguyên giá	222		8.430.479.215	8.307.479.215
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.924.284.072)	(2.114.215.117)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.128.409.091	2.079.090.909
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.128.409.091	2.079.090.909
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.250.014.995.606	1.247.652.152.163
1. Đầu tư vào công ty con	251		463.692.595.606	463.692.595.606
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		786.322.400.000	786.322.400.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(2.362.843.443)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	18.784.782
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	18.784.782
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.063.271.538.843	3.009.505.144.520

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		102.495.645.184	73.397.812.366
I. Nợ ngắn hạn	310		102.495.645.184	73.397.812.366
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		20.911.528.600	2.913.468.600
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	26.593.373.639	16.176.889.746
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		813.462.449	303.915.661
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		193.500.000	-
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	47.226.760.550	47.087.221.100
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		298.716.664	408.013.977
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.458.303.282	6.508.303.282
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.960.775.893.659	2.936.107.332.154
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	2.960.775.893.659	2.936.107.332.154
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.747.440.630.000	2.747.440.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.747.440.630.000	2.747.440.630.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		139.270.925.591	139.270.925.591
3. Cổ phiếu quỹ	415		(42.082.508.146)	(42.082.508.146)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.572.915.034	19.572.915.034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		96.573.931.180	71.905.369.675
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		71.905.369.675	23.723.685.729
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.668.561.505	48.181.683.946
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.063.271.538.843	3.009.505.144.520



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017		Năm 2016	
			Quý 3	Từ 01/01 đến 30/09/2017	Quý 3	Từ 01/01 đến 30/09/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	107.705.454.564	472.649.818.180	172.775.170.903	720.211.216.331
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		107.705.454.564	472.649.818.180	172.775.170.903	720.211.216.331
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	105.652.933.355	482.662.865.788	161.532.454.599	636.434.682.555
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		2.052.521.209	(10.013.047.608)	11.242.716.304	83.776.533.776
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	14.959.982.821	45.056.816.832	13.220.408.029	62.825.465.540
7. Chi phí tài chính	22		-	(2.362.843.443)	15.858.000	(826.327.560)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-487.500.000
8. Chi phí bán hàng	25	20	1.100.145.617	3.033.965.258	1.081.770.859	3.024.983.520
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	740.427.842	2.603.411.703	761.361.617	2.921.671.261
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		15.171.930.571	31.769.235.706	22.604.133.857	141.481.672.095
11. Thu nhập khác	31		1.890.937.409	3.528.674.614	1.613.859.358	1.783.859.358
12. Chi phí khác	32		609.091	2.845.933.827		917.239.694
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.890.328.318	682.740.787	1.613.859.358	866.619.664
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.062.258.889	32.451.976.493	24.217.993.215	142.348.291.759
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.443.736.161	7.783.414.988	2.966.853.477	8.303.405.538
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		13.618.522.728	24.668.561.505	21.251.139.738	134.044.886.221



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 10 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01 đến 30/09/2017	Từ 01/01 đến 30/09/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	32,451,976,493	142,348,291,759
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	810,068,955	797,526,070
Các khoản dự phòng	03	(402,140,756)	280,894,565
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(44,424,962,572)	(62,941,763,940)
Chi phí lãi vay	06	-	487,500,000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(11,565,057,880)	80,972,448,454
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(113,809,649,624)	163,471,553,699
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	165,184,707,045	7,777,615,748
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	28,721,433,343	4,029,171,334
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(15,548,851)	(39,513,737)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(487,500,000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7,247,718,200)	(6,911,394,595)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(50,000,000)	(246,085,952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	61,218,165,833	248,566,294,951
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(172,318,182)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1,108,769,138,889)	(1,280,820,000,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1,168,097,000,000	820,775,000,000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(208,000,000,000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43,121,499,775	72,839,296,782
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	102,277,042,704	(595,205,703,218)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	315,000,000,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(42,082,508,146)
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(75,000,000,000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	197,917,491,854
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	163,495,208,537	(148,721,916,413)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	509,293,273,804	1,043,069,462,202
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	672,788,482,341	894,347,545,789

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/09/2017

Đơn vị: VND



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 10 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0200815578 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2016.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HHS.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/09/2017, Công ty có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Công ty con:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99,78	99,78	Kinh doanh ô tô

Công ty liên kết:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viết Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô và bất động sản
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Phòng AB, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,5	48,5	Kinh doanh linh kiện ô tô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy có cổ đông lớn, Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đồng thời là cổ đông, Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy;
- Các Công ty liên doanh, liên kết ;
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) .

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: Công ty trích lập dự phòng đối với linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng đến 24 tháng trích lập dự phòng 70%, và 100% đối với các linh kiện chậm luân chuyển trên 24 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị quản lý	05
Phương tiện vận tải	08

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền	672.788.482.341	8.001.273.804
Các khoản tương đương tiền (*)	-	501.292.000.000
Cộng	672.788.482.341	509.293.273.804

(*) Phản ánh các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>Ngắn hạn</i>	801.335.138.889	801.335.138.889	858.803.000.000	858.803.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	801.335.138.889	801.335.138.889	858.803.000.000	858.803.000.000
Cộng	801.335.138.889	801.335.138.889	858.803.000.000	858.803.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/09/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con (1)	463.692.595.606	-	463.692.595.606	463.692.595.606	-	463.692.595.606
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)	786.322.400.000	-	786.322.400.000	786.322.400.000	2.362.843.443	783.959.556.557
Cộng	1.250.014.995.606	-	1.250.014.995.606	1.250.014.995.606	2.362.843.443	1.247.652.152.163

(1) Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km 9, Quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh ô tô và xe có động cơ	99.78	99.78

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(2) Đầu tư vào công ty liên kết

	30/09/2017		01/01/2017	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	28.800.000	288.000.000.000	28.800.000	288.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	-	262.522.400.000	-	262.522.400.000
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	13.580.000	135.800.000.000	13.580.000	135.800.000.000
Cộng	-	786.322.400.000	-	786.322.400.000

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 30/09/2017 như sau :

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viết Chánh, Phường 19, Quận Bình Thanh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô và bất động sản
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Phòng AB, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,5	48,5	Kinh doanh linh kiện ô tô

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>18.887.381.680</i>	<i>12.609.076.332</i>
Các đại lý	18.887.381.680	12.609.076.332
Khách hàng lẻ	-	-
Cộng	18.887.381.680	12.609.076.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/09/2017		01/01/2017	
	USD	VND	USD	VND
<i>Ngắn hạn</i>				
Dongfeng Moto Co.,Ltd			916.000,00	20.848.160.000
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy			-	-
Các đối tượng khác	-	782.051.800	-	909.300.000
Cộng		782.051.800		21.757.460.000

9. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
<i>Ngắn hạn</i>				
Lãi tiền gửi phải thu tạm tính		13,837,424,508		14,836,774,211
Phải thu khác		8,688,069		8,688,069
<i>Dài hạn</i>				
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (1)		142,600,000,000		-
Cộng		156,446,112,577		14,845,462,280

- (1) Phản ánh khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) cùng Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số: 01/HTKD ngày 16/08/2017 về việc hợp tác kinh doanh các dự án cải tạo chung cư cũ, xuống cấp và các dự án do TCH phát triển tại Hải Phòng và dự án BĐS tại địa chỉ số 1 và số 8 Đường Chi Lăng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng với quy mô khoảng 5ha đã được HĐQT thông qua tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 16/8/2017.

10. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	40.182.510.948	(2.070.000.000)	93.414.197.135	-
Công cụ, dụng cụ	18.240.000	-	-	-
Chi phí SXKD DD	-	-	4.725.670.981	-
Thành phẩm	2.073.290.479	-	16.894.042.147	-
Hàng hóa	113.394.987.402	-	51.559.438.205	-
Hàng gửi bán	-	-	154.260.387.406	-
Cộng	155.669.028.829	(2.070.000.000)	320.853.735.874	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2017	7.964.262.417	343.216.798	8.307.479.215
Mua trong kỳ	-	123.000.000	123.000.000
Tại 30/09/2017	7.964.262.417	466.216.798	8.430.479.215
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2017	1.852.311.396	261.903.721	2.114.215.117
Khấu hao trong kỳ	788.530.248	21.538.707	810.068.955
Tại 30/09/2017	2.640.841.644	283.442.428	2.924.284.072
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	6.111.951.021	81.313.077	6.193.264.098
Tại 30/09/2017	5.323.420.773	182.774.370	5.506.195.143

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	26.593.373.639	16.176.889.746
Các đại lý	26.493.373.639	16.076.889.746
Khách hàng lẻ	100.000.000	100.000.000
Cộng	26.593.373.639	16.176.889.746

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Ngắn hạn</i>	47.226.760.550	47.087.221.100
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Các khoản phải trả khác	152.740.550	13.201.100
Cộng	47.226.760.550	47.087.221.100

(*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016	2.330.904.280.000	124.532.011.543	-	19.572.915.034	140.260.035.729	2.615.269.242.306
Tăng vốn trong năm	300.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	315.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	116.536.350.000	-	-	-	(116.536.350.000)	-
(Tặng) cổ phiếu quỹ	-	-	(42.082.508.146)	-	-	(42.082.508.146)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(107.896.940.440)	(107.896.940.440)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	156.078.624.386	156.078.624.386
Giảm khác	-	(261.085.952)	-	-	-	(261.085.952)
Tại 01/01/2017	2.747.440.630.000	139.270.925.591	(42.082.508.146)	19.572.915.034	71.905.369.675	2.936.107.332.154
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	24.668.561.505	24.668.561.505
Tại 30/09/2017	2.747.440.630.000	139.270.925.591	(42.082.508.146)	19.572.915.034	96.573.931.180	2.960.775.893.659

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 2.747.440.630.000 đồng, danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 30/09/2017 như sau:

	Tại 30/09/2017		01/01/2017	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	1.004.893.340.000	36,58	1.004.893.340.000	36,58
Ông Đỗ Hữu Hạ	148.000.000.000	5,39	48.000.000.000	1,75
Cổ đông khác	1.594.547.290.000	58,03	1.694.547.290.000	61,67
Cộng	2.747.440.630.000	100	2.747.440.630.000	100

Cổ phiếu

	30/09/2017	01/01/2017
	(Cổ phiếu)	(Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	274.744.063	274.744.063
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	274.744.063	274.744.063
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	269.744.063	269.744.063

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

15. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/09/2017	01/01/2017
Ngoại tệ (USD)	85.294,43	2.989,30

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hóa cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	177.355.909.097	51.132.545.453	244.161.363.630	472.649.818.180
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	177.355.909.097	51.132.545.453	244.161.363.630	472.649.818.180
2. Giá vốn	172.845.351.371	53.898.565.791	253.848.948.626	480.592.865.788
Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	172.845.351.371	53.898.565.791	253.848.948.626	480.592.865.788
3. Lợi nhuận gộp	4.510.557.726	(2.766.020.338)	(9.687.584.996)	(7.943.047.608)
LN gộp của hàng hóa, thành phẩm	4.510.557.726	(2.766.020.338)	(9.687.584.996)	(7.943.047.608)

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, Công ty chỉ kinh doanh ô tô các loại, do đó không có báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh.

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01 đến 30/09/2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	472.649.818.180	720.159.545.423
Doanh thu cung cấp dịch vụ, linh kiện	-	51.670.908
Cộng	472.649.818.180	720.211.216.331

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01 đến 30/09/2016 VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm	480.592.865.788	636.120.502.561
Giá vốn cung cấp dịch vụ, linh kiện	-	314.179.994
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.070.000.000	-
Cộng	482.662.865.788	636.434.682.555

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01 đến 30/09/2016 VND
Lãi tiền gửi	44.424.962.572	39.733.168.334
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	23.058.595.606
Lãi chênh lệch tỷ giá	631.854.260	33.701.600
Cộng	45.056.816.832	62.825.465.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01 đến 30/09/2017	Từ 01/01 đến 30/09/2016
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	2.603.411.703	2.921.671.261
Chi phí nhân viên	660.366.846	840.634.800
Chi phí khấu hao TSCĐ	723.330.776	708.787.888
Các khoản chi phí QLDN khác	1.219.714.081	1.372.248.573
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	3.033.965.258	3.024.983.520
Chi phí khấu hao TSCĐ	86.738.179	88.738.182
Chi phí nhân viên	352.033.458	1.563.845.400
Chi phí đại lý bán hàng	1.294.000.000	
Chi phí khác	1.301.193.621	1.372.399.938

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	672.788.482.341	509.293.273.804
Phải thu khách hàng, phải thu khác	175.333.494.257	27.454.538.612
Đầu tư tài chính ngắn hạn	801.335.138.889	858.803.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	1.250.014.995.606	1.247.652.152.163
Cộng	2.899.472.111.093	2.643.202.964.579
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	68.138.289.150	50.000.689.700
Công nợ tài chính khác	298.716.664	408.013.977
Cộng	68.630.505.814	50.408.703.677

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện phần lớn giao dịch mua hàng hóa có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào bởi vì các khoản phải vay áp dụng lãi suất cố định

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/09/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	672.788.482.341	-	672.788.482.341
Phải thu khách hàng và phải thu khác	175.333.494.257	-	175.333.494.257
Đầu tư tài chính ngắn hạn	801.335.138.889	-	801.335.138.889
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.250.014.995.606	1.250.014.995.606
Cộng	1.649.457.115.487	1.250.014.995.606	2.899.472.111.093
Tại 30/09/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	68.138.289.150	-	68.138.289.150
Công nợ tài chính khác	298.716.664	-	298.716.664
Cộng	68.630.505.814	-	68.630.505.814
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.580.826.609.673	1.250.014.995.606	2.830.841.605.279
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	509.293.273.804	-	509.293.273.804
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.454.538.612	-	27.454.538.612
Đầu tư tài chính ngắn hạn	858.803.000.000	-	858.803.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.247.652.152.163	1.247.652.152.163
Cộng	1.395.550.812.416	1.247.652.152.163	2.643.202.964.579
Tại 01/01/2017			
Phải trả người bán và phải trả khác	50.000.689.700	-	50.000.689.700
Công nợ tài chính khác	408.013.977	-	408.013.977
Cộng	50.408.703.677	-	50.408.703.677
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.345.142.108.739	1.247.652.152.163	2.592.794.260.902

Ban giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

22. THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm 03/01/2017, công ty không còn đáp ứng được điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, do đó Công ty không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bản chất bên liên quan

	Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	Công ty con
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần phát triển DV Trường Giang	Công ty liên kết
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01 đến 30/09/2016 VND
Công ty CP đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Mua hàng hóa, dịch vụ	26,713,100,000	25,828,900,000
Công ty Cổ phần phát triển DV Hoàng Giang		
Nhận cổ tức bằng tiền	-	38,316,000,000
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Ứng trước tiền hàng	-	100,000,000
Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam		
Góp vốn	-	208,000,000,000
Công ty TNHH Prukca Việt Nam		
Chi phí khác	-	762,519,765
Công ty Cổ phần phát triển DV Trường Giang		
Mua hàng hóa, dịch vụ		385,981,552

Số dư với các bên liên quan:

	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Phải trả thương mại	441,100,000	1,486,000,000
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Ứng trước tiền hàng	100,000,000	100,000,000

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

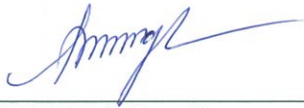
Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN QUÝ 3 NĂM 2017 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Trong quý 3 năm 2017, hoạt động kinh doanh xe ô tô của Công ty có sự hiệu quả hơn so với quý 1 và 2 năm 2017. Cụ thể, lợi nhuận quý 3 năm 2017 của công ty đạt 13.618.522.728 đồng, tăng hơn gấp 2 lần so với quý 1 và gần 3 lần so với quý 2 năm 2017. Tuy nhiên, do tình hình chung của thị trường xe tải còn chưa khởi sắc, do đó so với lợi nhuận quý 3 năm 2016, lợi nhuận quý 3 năm 2017 giảm 35,9%.



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 27 tháng 10 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc